

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1342/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2018.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhung.

2. Bà Lê Thị Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3642/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6834/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Tăng Sử T1; sinh năm 1977; nơi cư trú: Phường Q, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T2 (Nguyễn Thị Thanh T2); sinh năm 1976; nơi cư trú: Campsie 2194 NSW Syney, Australia (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Có bà Nguyễn Thị Ngọc A - Đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 06/11/2017) - trong phạm vi được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/9/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Tăng Sử T1 trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 1802, quyển số 07 ngày 27/5/2009. Sau khi kết hôn, bà T2 quay về Úc sinh sống và làm việc, còn ông vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu sau khi về Úc, bà T2 và ông vẫn thường liên lạc với nhau nhưng do xa cách về địa lý

nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, ông và bà T2 dần ít liên lạc. Kể từ đầu năm 2010 đến nay, hai bên đã không còn liên lạc gì với nhau nữa. Hiện tại ông và bà T2 đã sống ly thân, khả năng đoàn tụ không thành. Ông xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Tăng Sử T1 yêu cầu ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn”. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 hiện đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ông Tăng Sử T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T2 có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng do khoảng cách địa lý, sau khi kết hôn vợ chồng đã không sống chung. Khi sống xa nhau hai bên không còn liên lạc, tình cảm, quan tâm, chăm sóc nhau. Ông Tăng Sử T1 xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2017, nội dung bà Nguyễn Thị Thanh T2 đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc A được thay mặt bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Các văn bản về việc thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải đã được tổng đạt hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T2 không có văn bản nào khác với ý kiến tại văn bản mà đại diện theo ủy quyền đã cung cấp ngày 06/11/2017.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3642/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2018, thông báo thời gian mở phiên tòa là ngày 29/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6834/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2018, thông báo ngày mở lại phiên tòa là ngày 27/9/2018. Ông T1 và bà T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Xét thấy, bà T2 đã có văn bản ghi ý kiến đồng ý ly hôn; bà xác định không có con chung và không yêu cầu giải quyết về nợ chung, tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đã không có văn bản nêu ý kiến khác và cũng không đến Toà để giải quyết vụ án, đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa ông T1 và bà T2 không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Tăng Sử T1 như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 1, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 08 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực, ông Trường phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; điểm 1.1, mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Tăng Sử T1.

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông Tăng Sử T1 được ly hôn với bà Nguyen Thi Thanh T2 (Nguyễn Thị Thanh T2). Giấy chứng nhận kết hôn số 1802, quyền số 07 ngày 27/5/2009 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: ông Tăng Sử T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền ông T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0047741 ngày 22/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T1 đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bà Nguyen Thi Thanh T2 (Nguyễn Thị Thanh T2) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, ông Tăng Sử T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp

